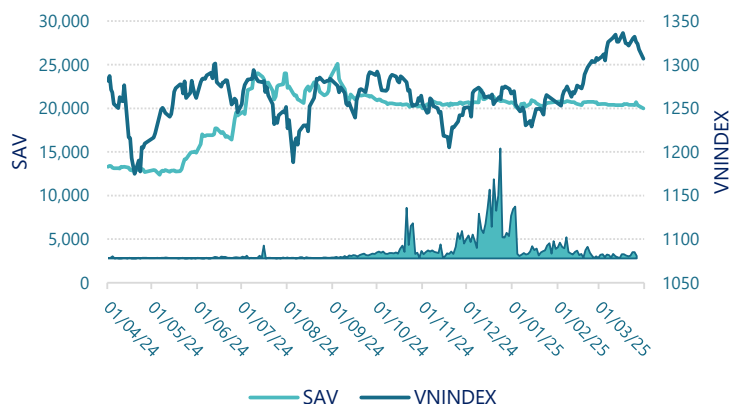


CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (HSX: SAV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,379
SL cổ phiếu LH	24,794,195
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,960
% sở hữu nước ngoài	50.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	496
P/E	7.9
EPS	2,545

DT thuần

Q1/25

275

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.0| -10.9%

YoY: ▲59.0| 27.4%

LN sau thuế

Q1/25

16.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲13.9| 469%

YoY: ▲9.18| 120%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.8%

+/- YoY: ▲7.6%

DT thuần

2024

1,069

tỷ VNĐ

YoY: ▲280| 35.5%

LN sau thuế

2024

54.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲64.3| 631%

ROE

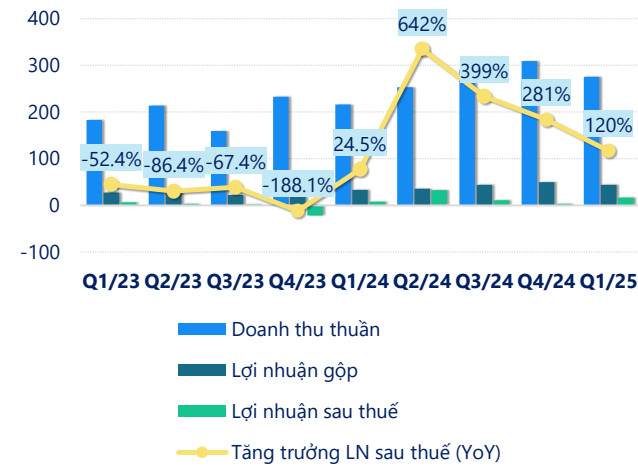
2024

15.2%

+/- YoY: ▲18.1%

tỷ VNĐ

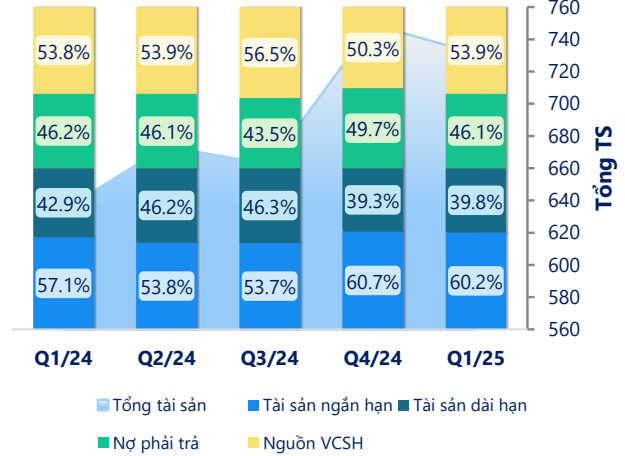
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

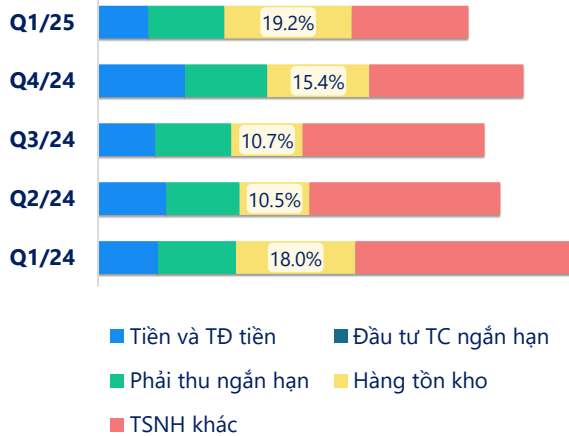
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



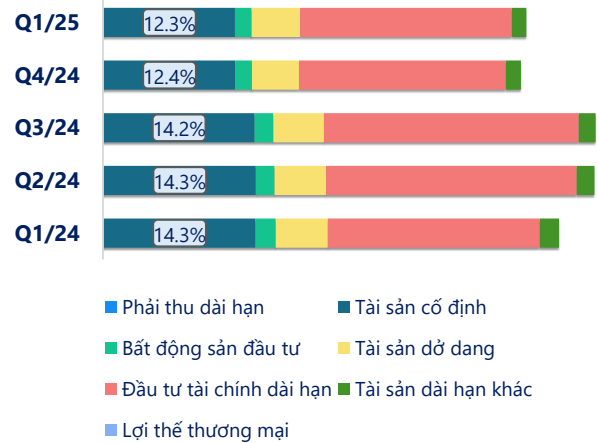
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

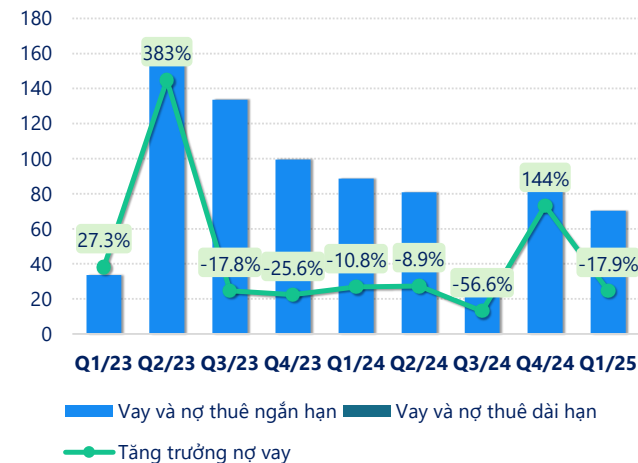
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

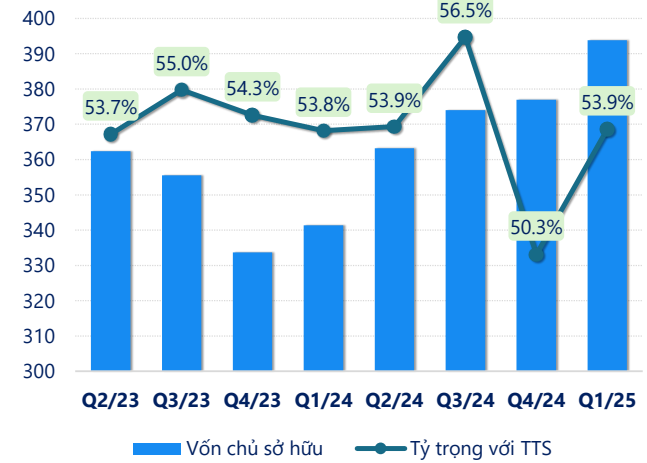
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

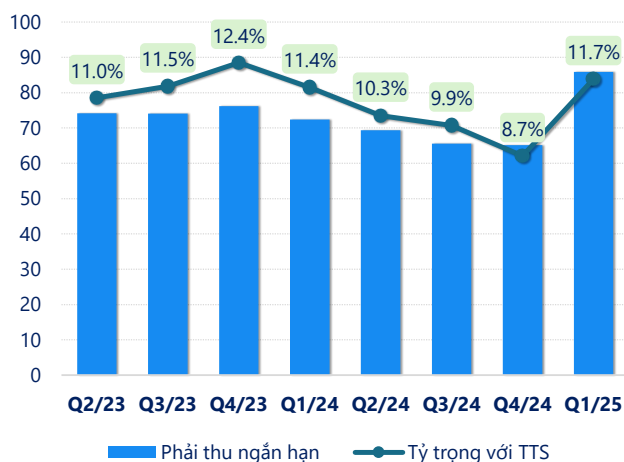
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



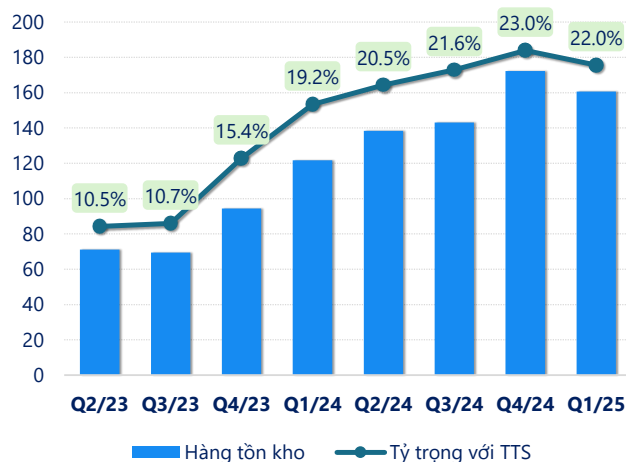
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


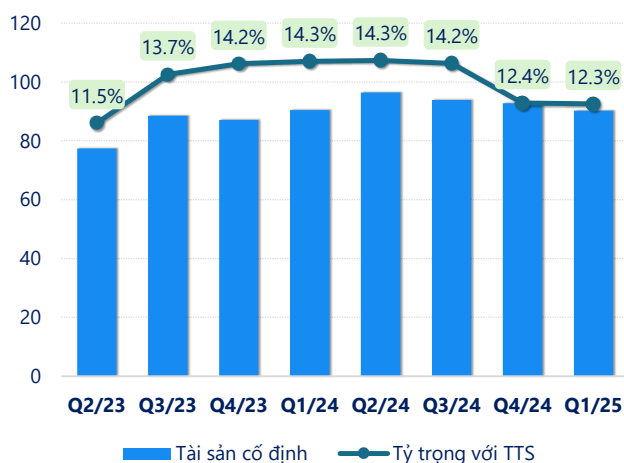
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


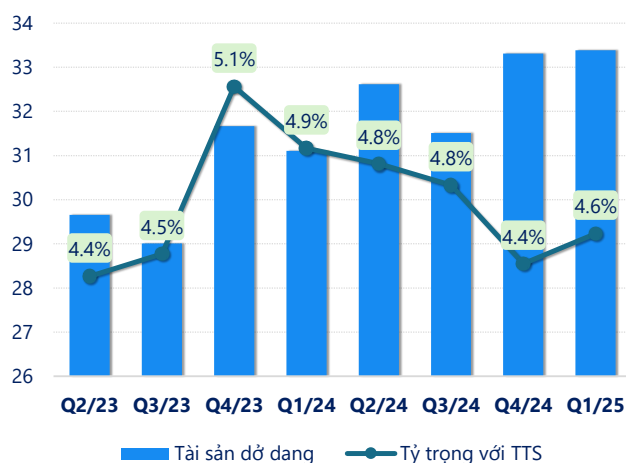
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

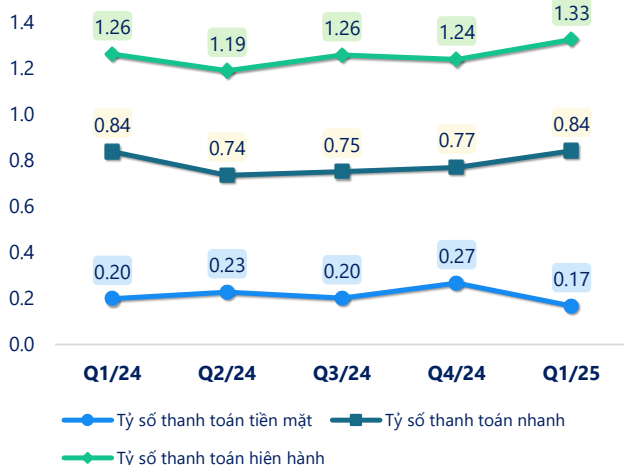
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

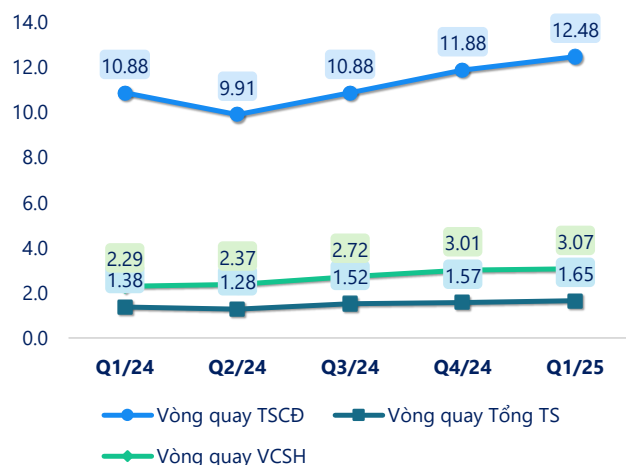
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	634	673	662	749	731
Tài sản ngắn hạn	362	362	355	455	440
Tiền và tương đương tiền	57.1	69.3	57.0	98.0	55.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	75.0	80.0
Phải thu ngắn hạn	72.4	69.3	65.6	65.1	85.9
Hàng tồn kho	122	138	143	172	161
Tài sản ngắn hạn khác	111	85.2	89.7	44.4	58.1
Tài sản dài hạn	272	311	307	294	291
Phải thu dài hạn	0.46	0.47	0.47	0.52	0.52
Tài sản cố định	90.5	96.4	93.9	92.8	90.3
Bất động sản đầu tư	12.0	11.9	11.7	11.5	11.4
Tài sản dở dang	31.1	32.6	31.5	33.3	33.4
Đầu tư tài chính dài hạn	126	159	159	146	146
Tài sản dài hạn khác	11.5	11.2	10.5	10.7	9.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	293	310	288	372	337
Nợ ngắn hạn	287	304	282	367	332
Vay và nợ thuê ngắn hạn	88.7	80.9	35.1	85.6	70.3
Phải trả người bán ngắn hạn	91.2	108	122	160	154
Nợ dài hạn	5.95	5.95	5.85	5.38	5.38
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	341	363	374	377	394
Vốn chủ sở hữu	341	363	374	377	394
Vốn điều lệ	220	252	252	252	252
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)